

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày: 20-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Cường và bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2019/HSST ngày 19 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: H; sinh năm 1993 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kh, sinh năm 1971 và bà L (đã chết); bị cáo có vợ là H1, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 04/2017/HSST ngày 23/01/2017 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/12/2017, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/3/2019, H bị Công an phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra và phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 20/3/2019 H bị đưa vào cơ sở xã hội thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý theo Quyết định số 35/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 12/6/2019 bị cáo bị bắt tạm giam; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cư Jút; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông T, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

2. Anh D, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông

- Người có quyền lợi liên quan:

1. Anh Th, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà L1, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Ea TLing, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Anh K, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. Bà B, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

6. Chị M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82, Đường H, Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

7. Ông Kh, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2018, ông T (trú tại thôn 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông) thuê H lái máy mướn đến đào ao. Khi đến nơi, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H nói dối vợ chồng ông T là em trai bị Công an bắt xe nên mượn xe máy, giấy tờ xe và số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để đi chuộc xe cho em. Vợ chồng ông T tin lời H nên đã cho mượn xe mô tô Yamaha Sirius mang biển kiểm soát (BKS) 48D1 - 23111 cùng giấy tờ xe và 3.000.000đ (Ba triệu đồng). H tiêu xài hết số tiền 3.000.000 đồng và điều khiển xe mô tô BKS 48D1 - 23111 đến tiệm cầm đồ HT của anh T ở thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông để cầm xe. Anh T hỏi H xe của ai thì H nói là xe H mới mua, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, do thấy có đủ giấy tờ xe nên anh T tin là thật và đồng ý cầm xe với giá là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Sau khi nhận tiền, H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vào tối ngày 07/5/2018, H rủ D (trú tại thôn 10, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) là bạn của H ra Khu công nghiệp T chơi. H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh D nên hỏi mượn xe 05 phút để đi giải quyết công việc. Anh D tin tưởng và đồng ý cho H mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng đen mang BKS 48D1 - 088.00. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe chạy lên nhà anh K (trú tại đường Q, TP. B, tỉnh Đắk Lắk) **hỏi mượn tiền**. Do không tin tưởng nên K không cho H mượn tiền thì H nói chiếc xe mình đang điều khiển là xe của bố và đề nghị để lại chiếc xe trên làm tin thì K đồng ý cho H mượn số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi lấy được tiền từ K, H đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/5/2019, ông T và anh D đã làm đơn trình báo về hành vi của H.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: xám - đen, số khung: 3240HY029403; số máy: E3X9E079852, mang BKS 48D1 - 23111, xe đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, số máy: JC53E0043019, số khung: RLHJC5302CY043202, mang BKS 48D1 - 08800, xe đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cư Jút: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius, màu xám đen BKS 48D1 - 23111 tại thời điểm bị xâm hại ngày 10/3/2018 có giá trị 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu nâu - vàng - đen mang BKS 48D1 - 08800 tại thời điểm bị xâm hại ngày

07/5/2018 có giá trị 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng giá trị của 02 chiếc xe mà H chiếm đoạt là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định được: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: xám - đen, số khung: 3240HY029403; số máy: E3X9E079852, BKS 48D1 - 23111 là của anh Th. Năm 2018 anh Th đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương nên đã giao lại chiếc xe trên cho ông T quản lý, sử dụng. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, số máy: JC53E0043019, số khung: RLHJC5302CY043202, mang BKS 48D1 - 08800, người đứng tên chủ sở hữu là bà M (trú tại đường H, Tổ dân phố 4, thị trấn E, tỉnh Đắk Nông); năm 2016 bà M đã bán lại cho bà L (mẹ vợ của anh D, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông) nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, ngày 07/5/2018 bà L cho anh D mượn xe làm phương tiện đi lại. Ngày 01/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Th và bà L là các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) mà H cầm cố xe mang BKS 48D1 - 23111 và số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) mà H lừa đảo của ông T, cùng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà anh K cho H mượn và để lại chiếc xe mang BKS 48D1 - 08800, H đã sử dụng hết số tiền trên vào việc tiêu xài cá nhân nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 27/CTr-VKS ngày 19/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo H như bản cáo trạng số 27/CTr-VKS ngày 19/8/2019: Truy tố bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 01/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút về việc trả lại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xám - đen mang BKS 48D1 - 23111 cho anh Th; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, mang BKS 48D1 - 08800 cho bà L là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Chấp nhận ông Kh (Bố bị cáo H) đã chuộc chiếc xe mô tô mang BKS 48D1 - 23111 trả lại cho anh Th và bồi thường số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho ông T; trả lại cho anh K 5.000.000 đồng; Bị hại bà L đã nhận lại tài sản bị mất. Bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đề nghị xem xét.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận ngày 10/3/2018 và ngày 07/5/2018 do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông T (trú tại thôn 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông) số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: xám - đen, mang BKS 48D1 - 23111, trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và của anh D (trú tại thôn 10, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, mang BKS 48D1 - 08800, trị giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo H đã chiếm đoạt là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, có đầy đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà đã cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ, hối hận về việc làm sai trái của bản thân, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo sống có ích, có ý thức tôn trọng pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả cho bị hại, được bị hại bồi nại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và trả lại tài sản cho người có quyền lợi liên quan. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần vào ngày 10/3/2018 và ngày 07/5/2018, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm; đồng thời bị cáo chưa được xóa án tích theo Bản án số 04/2017/HSST ngày 23/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Tuy nhiên bị cáo H không có việc làm, không có nơi ở ổn định, không có tài sản gì riêng và không đủ khả năng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với anh T có hành vi cầm xe mô tô mang BKS 48D1 - 23111 của H, anh K cho H mượn tiền và để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, mang BKS 48D1 - 08800 để làm tin. Anh T và anh K không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 01/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút về việc trả lại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xám - đen mang BKS 48D1 - 23111 cho anh Th; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, mang BKS 48D1 - 08800 cho bà L là các chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét những chứng cứ buộc tội bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên HĐXX cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo H 02 (Hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (12/6/2019).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 01/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút về việc trả lại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xám - đen mang BKS 48D1 - 23111 cho anh

Thị; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu nâu - vàng - đen, mang BKS 48D1 - 08800 cho bà L là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý xong nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Trúc Linh